TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/DS-PT
Ngày: 18 - 10 - 2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Võ Bá Lưu và bà Từ Thị Hải Dương

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Nam - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm",

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 16 - 4 - 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1279/2019/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Phạm Ng, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Phan V; địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, theo Giấy uỷ quyền ngày 07/01/2019, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

- Luật sư Lê M, Văn phòng Luật sư H, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: đường T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Luật sư Dương Thị Th, Văn phòng Luật sư M, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: đường H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2- Bị đơn: Tổng công ty B; địa chỉ: phố Tr, phường C, quận H, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân V - Tổng giám đốc.

Người được đại diện theo pháp luật của bị đơn uỷ quyền: Ông Nguyễn Nh; địa chỉ: phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội, theo Giấy uỷ quyền số 4758/UQ-BH ngày 16/8/2019, có mặt.

3- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Ngọc H, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn Y, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

4- Người làm chứng:

- Công ty C; đại diện theo pháp luật: Ông Trần H - Giám đốc; địa chỉ: phường HL, quận H, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Ông Trần Nguyễn Tr, nguyên Phó Giám đốc Công ty B Quảng Bình, hiện là Phó giám đốc Công ty B Quảng Trị; địa chỉ cơ quan: đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đình H1 - Cán bộ Công ty B Quảng Bình; địa chỉ cơ quan: Đường Ph, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Ông Hồ Quang H, sinh năm 1960; đại lý bảo hiểm Q; địa chỉ: Thôn Tr, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn H2, địa chỉ: thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Ông Nguyễn Hữu T, địa chỉ: tổ dân phố B, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, có đơn xin vắng mặt.

Người kháng cáo: Tổng công ty B là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Ng, lời khai của nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà có chung ý kiến trình bày như sau:*

Tàu cá có số đăng ký QB-93192-TS, trước đây chủ tàu là anh Phạm Ngọc H đã ký hợp đồng bảo hiểm tàu cá số QBI.D0.06.TC.17.HDDE ngày 22/6/2017 với Công ty B Quảng Bình (sau đây gọi là B Quảng Bình), hiệu lực của hợp đồng là 01 năm kể từ ngày 22/6/2017 đến ngày 22/6/2018, bao gồm bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm thuyền viên; mức phí bảo hiểm thân tàu là 90.000.000 đồng, mức phí bảo hiểm thuyền viên 450.000 đồng/người/năm, số lượng thuyền viên 06 người là 2.700.000 đồng, tổng phí bảo hiểm hai khoản là 92.700.000đ; phí bảo hiểm thân tàu được thanh toán 02 kỳ, kỳ 01 thanh toán 50% phí bảo hiểm thân tàu chậm nhất kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm với số tiền 45.000.000 đồng, kỳ 02 thanh toán 50% phí bảo hiểm thân tàu còn lại sau 06 tháng (không quá 180 ngày) kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm với số tiền 45.000.000 đồng; phí bảo hiểm 06 thuyền viên là 2.700.000 đồng được thanh toán 100% chậm nhất kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm. Ngày 22/6/2017, anh H đã nộp tiền phí bảo hiểm kỳ 01 là 45.000.000 đồng và phí bảo hiểm thuyền viên 2.700.000đ và được B Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá (thân tàu) số 363 số tiền được bảo hiểm 3.000.000.000 đồng và Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá (thuyền viên) số 364 với số lượng 06 thuyền viên, số tiền được bảo hiểm 30.000.000 đồng/người/vụ.

Ngày 05/9/2017, anh Phạm Ngọc H ký chuyển nhượng tàu cá nói trên cho em trai là Phạm Ng. Sau khi tiến hành xong thủ tục chuyển nhượng, ngày 18/9/2017 anh Phạm Ng được Chi cục Thuỷ sản tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 7053 và số đăng ký tàu cá giữ nguyên số cũ là QB-93192-TS. Ngày 20/9/2017 anh Ng được B Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số 363, có hiệu lực từ 8 giờ ngày 21/6/2017 đến 8 giờ ngày 21/6/2018, nội dung Giấy chứng nhận bảo hiểm gồm: Bảo hiểm thân tàu, với số tiền được bảo hiểm 3.000.000.000 đồng, phí bảo hiểm 90.000.000 đồng và bảo hiểm thuyền viên cho 07 thuyền viên, phí bảo hiểm là 3.150.000 đồng (450.000 đồng/người), với số tiền được bảo hiểm 30.000.000 đồng/người/vụ.

Vào hồi 9 giờ ngày 08/01/2018, tàu cá QB-93192-TS do anh Ng làm chủ trên đường đánh bắt hải sản vùng biển ngoài khơi Việt Nam về đất liền để bán hải sản. Khi đến toạ độ 17°49'00N + 106°40'00E, cách cửa sông G thuộc thị xã B, tỉnh Quảng Bình 10 hải lý thì bị tàu hàng H 86 đâm chìm, mất hoàn toàn. Sự việc đã được Bộ đội Biên phòng Cảng G lập biên bản điều tra vụ việc va chạm. Sau đó do có sự bảo lãnh của B, qua thương lượng, ngày 28/02/2018 phía tàu H 86 đã đồng ý hỗ trợ cho anh Ng chủ tàu QB-93192-TS bị tổn thất với số tiền 1.240.000.000 đồng. Sau khi vụ tai nạn xảy ra, anh Ng chủ tàu cá QB-93192-TS đã báo cáo cho cán bộ khai thác của B Quảng Bình biết (thông qua ông H là đại lý và ông H1 là cán bộ B Quảng Bình), gặp lãnh đạo B Quảng Bình trực tiếp báo cáo và làm mọi thủ tục cần thiết để yêu cầu thanh toán bảo hiểm theo Giấy chứng nhận bảo hiểm. Qua thương lượng B Quảng Bình đã chấp nhận bồi thường cho các thuyền viên, còn bảo hiểm thân tàu B Quảng Bình không chấp nhận bồi thường.

Trong quá trình làm thủ tục để yêu cầu bồi thường, B Quảng Bình mới xuất trình cho anh Ng 02 văn bản cùng ngày, gồm: Văn bản số 528 ngày 11/12/2017 thông báo thu phí bảo hiểm lần 2 gửi cho anh Phạm Ngọc H và Văn bản số 532 ngày 11/12/2017 về việc chấm dứt hiệu lực bảo hiểm tàu cá với anh Phạm Ngọc H. Tại Công văn số 468 ngày 06/9/2018 của B Quảng Bình cho rằng: Khi Công ty B cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cho anh Ng thì sự kiện tai nạn tàu cá đã xảy ra, do đó hợp đồng bảo hiểm vô hiệu.

Anh Phạm Ng khởi kiện Tổng Công ty B: Buộc Tổng Công ty B bồi thường tiền bảo hiểm tàu cá với số tiền: 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng) và khoản lãi suất theo quy định của pháp luật, kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, cho đến ngày trả xong số tiền trên.

** Bị đơn Tổng Công ty B trình bày trong các văn bản đề ngày 22/01/2019, ngày 22/02/2019 gửi cho Toà án và ý kiến trình bày tại phiên toà như sau:* B Quảng Bình (là công ty thành viên hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty B) có ký Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số QBI.D0.06.TC.17.HĐ 199E92 ngày 22/6/2017 với anh Phạm Ngọc H chủ tàu cá QB-93192-TS có địa chỉ tại: xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình và đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 363 ngày 22/6/2017 cho anh H (các thông tin về nội dung hợp đồng bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm với anh H trùng với ý kiến trình bày của nguyên đơn). Do anh H không đóng phí bảo hiểm kỳ 02, nên B không chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền bảo hiểm cho tàu cá

QB-93192-TS, bởi những lý do và căn cứ sau: Căn cứ điểm 4 khoản 1 Điều 2 Hợp đồng bảo hiểm tàu cá quy định cụ thể 2 kỳ thanh toán và thời hạn từng kỳ thanh toán phí bảo hiểm, theo đó đến ngày 22/12/2017 là ngày cuối cùng anh H đã không thanh toán phí bảo hiểm kỳ 2, nên từ 0 giờ 00 phút ngày 23/12/2017 Hợp đồng bảo hiểm nêu trên đã chấm dứt hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật kinh doanh bảo hiểm: "...Bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm hoặc không đóng phí bảo hiểm theo thời hạn thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác" và tại điểm 4 khoản 1 Điều 2 Hợp đồng bảo hiểm quy định: "Trường hợp đến thời hạn thanh toán phí bảo hiểm chủ tàu không thực hiện thanh toán đúng hạn thì Hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên chấm dứt hiệu lực bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm không còn giá trị (trừ trường hợp được B đồng ý bằng văn bản)".

Theo đơn khởi kiện của anh Ng thì ngày 05/9/2017 anh Ng nhận chuyển nhượng tàu cá từ anh H và đã được B Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 363 ngày 20/9/2017. Việc anh Ng nhận chuyển nhượng tàu cá QB-93192-TS từ anh H (là tàu đang có Hợp đồng bảo hiểm đã ký với B Quảng Bình ngày 22/6/2017) nhưng anh H không có văn bản thông báo cho B Quảng Bình biết, vì vậy việc chuyển nhượng này không có hiệu lực vì đã vi phạm Điều 26 của Luật kinh doanh bảo hiểm.

Về việc cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 363 ngày 20/9/2017 cho anh Ng: Theo tường trình của ông Hồ Quang H (đại lý bảo hiểm của B Quảng Bình): Sau khoảng 3 ngày xảy ra tai nạn tàu cá QB-93192-TS, anh Ng có nộp cho Cảng vụ Cảng G Hợp đồng bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm mang tên anh Phạm Ngọc H để làm thủ tục yêu cầu tàu H 86 bồi thường. Do tên trong Hợp đồng bảo hiểm và giấy chứng nhận bảo hiểm không đúng với tên trong Giấy chứng nhận chủ tàu nên Cảng vụ yêu cầu làm lại. Sau khoảng 1 tuần vụ tai nạn xảy ra, vợ chồng bà D (bố mẹ của anh H và anh Ng) đến nhà riêng gặp ông H xin cấp lại giấy chứng nhận bảo hiểm mang tên anh Ng và ghi ngày cấp giấy chứng nhận này là ngày 20/9/2017 nhằm phù hợp với ngày cấp giấy chứng nhận tàu cá mang tên anh Ng (ngày 18/9/2017) để nộp cho Cảng vụ. Vì trong lúc ngư dân gặp hoạn nạn nên ông H đã lấy một bản giấy chứng nhận bảo hiểm khống chỉ (có sẵn chữ ký và con dấu của B Quảng Bình); dựa vào bản phô tô của giấy chứng nhận bảo hiểm cũ mang tên anh H để viết lại giấy chứng nhận bảo hiểm mang tên anh Ng. Việc làm này là do cá nhân ông H tự ý làm mà không báo cáo xin ý kiến B Quảng Bình. Việc anh Ng có "Giấy chứng nhận bảo hiểm số 363 ngày 20/9/2017" cũng chưa thể coi là đủ điều kiện để được bồi thường bảo hiểm vì theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy tắc bảo hiểm tàu cá ban hành theo QĐ số 5373/QĐ-BH, ngày 16/11/2016 của Tổng Giám đốc Tổng công ty B (sau đây gọi là Quy tắc bảo hiểm tàu cá) thì trường hợp này giấy chứng nhận bảo hiểm chưa có hiệu lực pháp luật do chưa đóng phí. Bởi các căn cứ sau: "Điều 13: Gia hạn hợp đồng bảo hiểm và hiệu lực bảo hiểm: Trong mọi trường hợp mặc dù B đã chấp nhận bảo hiểm và đã cấp giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc giấy sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho người được bảo hiểm, hiệu lực bảo hiểm của tàu sẽ tự động chấm dứt ngay sau khi phát sinh một trong nhưng trường hợp sau: Người được bảo hiểm không thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ và

đúng hạn theo quy định tại điểm 2 Điều 17 Quy tắc này (trừ khi có thoả thuận khác bằng văn bản). Tàu được chuyển chủ (trừ khi có thoả thuận khác bằng văn bản)". Điểm 2 Điều 17 Quy tắc bảo hiểm tàu cá quy định: "Đối với những tàu bảo hiểm theo thời hạn 01 năm, phí bảo hiểm được thanh toán làm một kỳ hoặc nhiều kỳ theo thoả thuận giữa người được bảo hiểm và B nhưng nhiều nhất không quá 4 kỳ (3 tháng một kỳ) và được thanh toán theo quy định cụ thể ghi trên giấy chứng nhận bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm hoặc thông báo thu phí bảo hiểm". Điều 12 Quy tắc bảo hiểm tàu cá cũng quy định: "Hiệu lực bảo hiểm bắt đầu và kết thúc theo thời gian ghi trên giấy chứng nhận bảo hiểm, nhưng với điều kiện người được bảo hiểm đã thanh toán phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định ở điểm 2 Điều 17". Đối với bảo hiểm thuyền viên, do anh H đã nộp đầy đủ phí bảo hiểm nên B chấp nhận bồi thường theo hợp đồng và giấy chứng nhận bảo hiểm.

Với các lý do nêu trên, Tổng công ty B không chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền bảo hiểm tàu cá cho anh Phạm Ng số tiền: 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) và tiền lãi suất phát sinh từ việc bồi thường bảo hiểm tàu cá.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Ngọc H trình bày: Tàu cá có số đăng ký QB-93192-TS, chủ tàu là anh H đã ký Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số QBI.D0.06.TC.17.HDDE ngày 22/6/2017 với B Quảng Bình; hiệu lực của hợp đồng là 01 năm, kể từ ngày 22/6/2017 đến ngày 22/6/2018; bao gồm bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm thuyền viên; mức phí bảo hiểm thân tàu là 90.000.000 đồng, mức phí bảo hiểm thuyền viên 450.000 đồng/người/năm, số lượng 06 người là 2.700.000 đồng, tổng phí bảo hiểm là 92.700.000đ; phí bảo hiểm thân tàu được thanh toán 02 kỳ, kỳ 01 thanh toán 50% phí bảo hiểm thân tàu chậm nhất kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm với số tiền 45.000.000 đồng, kỳ 02 thanh toán 50% phí bảo hiểm thân tàu còn lại sau 06 tháng (không quá 180 ngày) kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm với số tiền 45.000.000 đồng; đối với phí bảo hiểm thuyền viên 2.700.000 đồng được thanh toán 100% phí bảo hiểm chậm nhất kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm. Ngày 22/6/2017, anh H đã nộp tiền phí bảo hiểm kỳ 01 là 47.700.000đ (bao gồm phí bảo hiểm thân tàu kỳ 01 là 45.000.000 đồng và phí bảo hiểm thuyền viên 2.700.000 đồng) và được B Quảng Bình cấp cho anh H Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá (thân tàu) số 363 với số tiền được bảo hiểm 3.000.000.000 đồng và Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá (thuyền viên) số 364 với số thuyền viên 06 người và số tiền được bảo hiểm 30.000.000 đồng/người/vụ. Ngày 05/9/2017, anh H đã chuyển nhượng tàu cá nói trên cho em trai là Phạm Ng, sau khi tiến hành xong thủ tục chuyển nhượng, ngày 18/9/2017 anh Ng được Chi cục Thuỷ sản tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 7053 và số đăng ký tàu cá giữ nguyên số củ là QB 93192 TS. Do đó, việc B từ chối không bồi thường số tiền bảo hiểm như Giấy chứng nhận đã cấp cho anh Ng là không đúng pháp luật. Việc nộp chậm phí bảo hiểm kỳ 2, theo anh H do tàu cá đã chuyển nhượng cho em trai là anh Ng và được B cấp lại Giấy chứng nhận bảo hiểm mới nên anh nghỉ mọi thủ tục phía B phải thông báo cho anh Ng, nhưng B lại không gửi thông báo thu phí kỳ 2 cho anh Ng, nên anh Ng không biết để nộp. Bản thân anh cũng không nhận được thông báo thu phí kỳ 2 do B Quảng Bình gửi, theo anh H thì nếu nhận được thông báo thu phí thì mặc dù tàu đã chuyển chủ nhưng vì là

anh em trong gia đình nên anh cũng sẽ thông báo cho em trai là anh Ng nộp phí cho B theo quy định, nhằm để hưởng quyền lợi khi rủi ro xảy ra.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 16 - 4 - 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 74, 84, 85, 87, 116, 117, 118, 119, 121, 134, 135, 137, 138, 140, 141, 357, 385, 398, 400, 401, 404, 405, 422, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 12, 13, 14, 15, 17, 18, 21, 23, 26, 28, 29, 30, 40, 41, 47 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, được sửa đổi, bổ sung năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Ng.

- Buộc bị đơn Tổng công ty B phải trả số tiền bảo hiểm tàu cá cho anh Phạm Ng số tiền 3.000.000.000 đồng, theo nội dung Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số 363 ngày 20/9/2017 do Tổng công ty B cấp cho anh Phạm Ng và khoản lãi chậm trả kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm ngày 03/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/4/2019 là 360.000.000 đồng; tổng cộng cả gốc và lãi là: 3.360.000.000 đồng, nhưng được trừ số tiền phí bảo hiểm thân tàu anh Phạm Ng phải nộp tiếp kỳ 2 là 45.000.000 đồng; số tiền còn lại buộc Tổng công ty B phải trả cho anh Phạm Ng là 3.315.000.000 đồng.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí: - Nguyên đơn anh Phạm Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 23.000.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000821 ngày 20/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- Bị đơn Tổng công ty Bảo hiểm B phải chịu 99.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra Bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, bị đơn Tổng Công ty B có đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm;

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị đơn trình bày: Tòa sơ thẩm nhận định có 2 hợp đồng bảo hiểm riêng rẽ, nếu theo lập luận của Tòa sơ thẩm hợp đồng bảo hiểm với anh H đã chấm dứt, thì đối với hợp đồng bảo hiểm mới với anh Ng, anh Ng phải nộp lại 90.000.000 đồng phí bảo hiểm cho hợp đồng mới, chứ không phải 45.000.000 đồng cho đợt 2, lập luận này không phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó Luật kinh doanh bảo hiểm quy định khi chuyển nhượng thì người nhận chuyển nhượng kế thừa cả quyền và nghĩa vụ của người chuyển nhượng; Tòa sơ thẩm cho rằng việc chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm giữa anh H với anh Ng có hiệu lực là không phù hợp với quy định của pháp luật, vì trong hợp đồng bảo hiểm giữa anh H với B không có thỏa thuận về việc chuyển nhượng, anh H cũng không có văn bản thông báo cho B biết về việc chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm cho anh Ng; Tòa sơ thẩm xác định thời điểm thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí bảo hiểm là phải có sự kiện thông báo nộp phí bảo hiểm là không phù hợp bởi đây không phải là nghĩa vụ dân sự có điều kiện. Hai bên không có thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm hoặc pháp luật có quy định rằng nếu điều kiện thông báo nộp phí bảo hiểm xảy ra, thì bên mua bảo hiểm mới phải thực hiện nghĩa vụ dân sự, tại điểm 4 khoản 1 Điều 2 Hợp đồng bảo hiểm cũng quy định rõ ngày 22/12/2017 là ngày cuối cùng phải thanh toán phí bảo hiểm, bên đóng phí bảo hiểm phải tự động thanh toán phí bảo hiểm chậm nhất khi đến hạn; Giấy chứng nhận bảo hiểm cấp cho anh Ng vô hiệu do được cấp sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, thể hiện trong các lời khai và bản tường trình của ông H; Tòa sơ thẩm chưa đánh giá về mức độ thiệt hại thực tế mà buộc B bồi thường thiệt hại toàn bộ là không phù hợp với quy định của pháp luật, vì tàu QB-93192-TS đã được trục vớt và đang sửa chữa tại cơ sở của ông H2 ở thôn C, xã Q, thị xã B; theo báo cáo giám định của Công ty TNHH Giám định B, cơ sở giám định được B thuê đánh giá thiệt hại của tàu QB-93192-TS chi phí để sửa chữa khôi phục thân tàu là (1.842.000.000 đ + 250.000.000 đ (trục vớt) - 204.000.000 đ (ngư lưới cụ) = 1.888.000.000 đồng; chủ tàu H cũng đã hỗ trợ tàu QB-93192-TS 1.240.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết cho phù hợp với quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm.

Tại phiên toà, các đương sự giữ nguyên yêu cầu, không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện bị đơn Tổng Công ty B vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Luật sư Dương Thị Th bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị bị đơn có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền 3 tỷ đồng cho nguyên đơn và tiền lãi suất theo quy định;

Luật sư Lê M nhất trí với ý kiến của Luật sư Dương Thị Th, chỉ có thêm ý kiến là nếu B từ chối bồi thường bảo hiểm thì tại sao lại tiến hành yêu cầu giám định, điều này chứng tỏ B phải có trách nhiệm trong vụ, việc này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng bảo hiểm được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về kháng cáo của bị đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do: Phán quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới là không khách quan, không phù hợp với hồ sơ vụ án, quyết định không đúng pháp luật ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của B, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các tài liệu mà B đã bổ sung để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, thì: Ngày 22/6/2017 B Quảng Bình với anh Phạm Ngọc H ký Hợp đồng bảo hiểm tàu cá và B đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá (thân tàu) số 363, số tiền được bảo hiểm là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), phí bảo hiểm thân tàu là 90.000.000 đồng được thanh toán 02 kỳ (kỳ 01 thanh toán 50%: 45.000.000 đồng chậm nhất kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm, kỳ 02 thanh toán 50%: 45.000.000 đồng phí bảo hiểm còn lại sau 06 tháng (không quá 180 ngày) kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm), mức khấu trừ 2% số tiền bồi thường tổn thất; Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá (06 thuyền viên) số 364, số tiền bảo hiểm thuyền viên 30.000.000 đồng/người/vụ, phí bảo hiểm là 2.700.000 đồng được thanh toán 100% chậm nhất kể từ ngày có hiệu lực bảo hiểm, tổng phí bảo hiểm hai khoản là 92.700.000đ. Hiệu lực của bảo hiểm là 01 năm kể từ ngày 22/6/2017 đến ngày 22/6/2018 (điều kiện bảo hiểm A). Ngày 22/6/2017, anh H đã nộp tiền phí bảo hiểm kỳ 01 là 47.700.000đ (gồm phí bảo hiểm thân tàu 45.000.000 đồng và phí bảo hiểm 06 thuyền viên 2.700.000 đồng).

[3] Ngày 05/9/2017, anh Phạm Ngọc H đã ký chuyển nhượng tàu cá nói trên cho em trai là Phạm Ng và đến ngày 18/9/2017 Chi cục Thuỷ sản Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 7053 chủ tàu là Phạm Ng, số đăng ký tàu cá giữ nguyên số cũ là QB -93192-TS. Ngày 20/9/2017 anh Ng được B Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số 363, có hiệu lực từ 8 giờ ngày 21/6/2017 đến 8 giờ ngày 21/6/2018, gồm hai nội dung: Bảo hiểm thân tàu, số tiền được bảo hiểm 3.000.000.000 đồng (theo thỏa thuận), phí bảo hiểm 90.000.000 đồng và bảo hiểm cho 07 thuyền viên số tiền được bảo hiểm 30.000.000 đồng/người/vụ, phí bảo hiểm là 3.150.000 đồng (điều kiện bảo hiểm A).

Như vậy tàu cá mang số hiệu QB-93192 -TS được chủ tàu cũ là anh H có ký hợp đồng bảo hiểm và cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm (thân tàu và thuyền viên),

sau đó đã chuyển nhượng tàu cá trên cho anh Ng. Anh Ng không ký hợp đồng bảo hiểm nhưng được B cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm (ghi nội dung bảo hiểm thân tàu và thuyền viên). Giá trị bảo hiểm thân tàu và mức phí bảo hiểm của hai giấy chứng nhận bảo hiểm đều như nhau. Thời hạn nộp phí bảo hiểm giữa B và anh H được ghi cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm. Thời hạn nộp phí bảo hiểm giữa B và anh Ng không ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm cấp cho anh Ng và hai bên không ký kết hoặc thoả thuận nội dung nào khác; Hiệu lực của bảo hiểm giữa B và anh H được ghi trong hợp đồng và giấy chứng nhận từ ngày 22/6/2017 đến ngày 22/6/2018; Hiệu lực của bảo hiểm giữa B và anh Ng được ghi trong giấy chứng nhận bảo hiểm từ ngày 21/6/2017 đến 21/6/2018. Về bảo hiểm thuyền viên: Bảo hiểm giữa B và anh H ghi bảo hiểm cho 06 thuyền viên, mức phí bảo hiểm 2.700.000 đồng; bảo hiểm giữa B và anh Ng ghi bảo hiểm cho 07 thuyền viên, mức phí bảo hiểm là 3.150.000 đồng.

[4] Về sự kiện bảo hiểm xảy ra:

Vào hồi 9 giờ ngày 08/01/2018, tàu cá QB-93192-TS do anh Ng làm chủ tàu trên đường đánh bắt hải sản vùng biển ngoài khơi Việt Nam về đất liền để bán hải sản. Khi đến toạ độ 17°49'00N + 106°40'00E, cách cửa sông G thuộc thị xã B, tỉnh Quảng Bình 10 hải lý thì bị tàu hàng H đâm chìm, bị mất hoàn toàn, nguyên nhân xảy ra va chạm là do tàu H gây ra. Công ty cổ phần thương mại H đã thoả thuận hỗ trợ cho anh Ng chủ tàu QB-93192-TS số tiền 1.240.000.000 đồng (trong đó có 01 tỷ đồng B Hải Phòng bồi thường tổn thất cho tàu H). Anh Ng yêu cầu B bồi thường số tiền bảo hiểm theo Giấy chứng nhận bảo hiểm mà B đã cấp cho anh Ng, nhưng B chỉ chấp nhận bồi thường bảo hiểm cho các thuyền viên, còn bảo hiểm thân tàu không chấp nhận bồi thường.

[5] Xét việc ký kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm, cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm giữa B với anh H đã thực hiện đúng quy định về hình thức và nội dung được quy định tại Quy tắc bảo hiểm tàu cá, Luật kinh doanh Bảo hiểm và Bộ luật Dân sự tại thời điểm ký kết và thực hiện giao dịch. Do anh H đã chuyển nhượng tàu cá cho anh Ng nên khi xảy ra sự kiện bảo hiểm anh H không yêu cầu B bồi thường là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về việc ký hợp đồng bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của các bên thì tại thời điểm ký Hợp đồng bảo hiểm và cấp giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá cho anh H và Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số 363 ngày 20/9/2017 cấp cho anh Ng, do ông Trần Nguyễn Tr ký tại thời điểm đó khi đang là Phó giám đốc B Quảng Bình (B Quảng Bình là Công ty thành viên hạch toán phụ thuộc của B) là đại diện hợp pháp của B tại Quảng Bình. Theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 6 Điều 84 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì ***"...1. Chi nhánh, văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của pháp nhân, không phải là pháp nhân. 2. Chi nhánh có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của pháp nhân...6. Pháp nhân có quyền, nghĩa vụ dân sự phát sinh từ giao dịch dân sự do chi nhánh, văn phòng đại diện xác lập, thực hiện"...;*** khoản 1 Điều 87 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: ***"Pháp nhân phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện nhân***

danh pháp nhân"...; Theo quy định tại Điều 14 Luật kinh doanh bảo hiểm thì: ***"Hợp đồng bảo hiểm phải được lập thành văn bản. Bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm là giấy chứng nhận bảo hiểm, đơn bảo hiểm, điện báo, telex, fax và các hình thức khác do pháp luật quy định";*** khoản 2 Điều 11 Quy tắc bảo hiểm tàu cá quy định: ***"...Giấy chứng nhận bảo hiểm... là bộ phận cấu thành Hợp đồng bảo hiểm và ngày cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm được coi là ngày ký Hợp đồng bảo hiểm...".*** Điều 26 Luật kinh doanh Bảo hiểm quy định về chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm thì: "...*Bên mua bảo hiểm có thể chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm...".* Việc chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm là để thay thế địa vị pháp lý, kế thừa quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm trong hợp đồng, sau đó người nhận chuyển nhượng sẽ trở thành bên mua bảo hiểm mới để tiếp tục duy trì hợp đồng và hưởng các quyền lợi bảo hiểm theo hợp đồng đã ký kết trước đó. Hợp đồng bảo hiểm B ký với anh H không có nội dung thoả thuận về việc chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm. Nhưng sau khi anh Ng nhận chuyển nhượng tàu cá từ anh H, thì ngày 20/9/2017 B Quảng Bình đã cấp lại Giấy chứng nhận bảo hiểm số 363 cho anh Ng thông qua đại lý là ông Hồ Văn H. Như vậy, Giấy chứng nhận bảo hiểm số 363 ngày 20/9/2017 cấp cho anh Ng được coi là bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm giữa B và anh Ng và là bằng chứng để khẳng định B đã biết việc chuyển nhượng tàu cá giữa anh H với anh Ng nên mới chấp nhận cấp lại Giấy chứng nhận bảo hiểm mới cho anh Ng, hơn nữa việc ông Hồ Văn H là Đại lý Bảo hiểm của B và là người cùng thôn với anh Ng đã trực tiếp cấp phát hành giấy chứng nhận bảo hiểm cho anh Ng, trong trường hợp này ông H đã biết việc anh H đã chuyển nhượng tàu cá cho anh Ng rồi, trách nhiệm của ông H là phải báo cáo với B Quảng Bình. B cho rằng Giấy chứng nhận bảo hiểm số 363 ngày 20/9/2017 cấp cho anh Ng chưa được coi là hợp đồng bảo hiểm hoàn chỉnh là không có căn cứ.

Với nhận định trên thấy rằng việc B cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cho anh Ng là hợp pháp đúng quy định của pháp luật, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia bảo hiểm.

[7] Điều 15 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định: *"...Trách nhiệm bảo hiểm phát sinh khi có một trong các trường hợp sau đây: 1. Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết, trong đó có thoả thuận giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm về việc bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm...".* Điều 23 về chấm dứt hợp đồng bảo hiểm: *"...2. Bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm hoặc không đóng phí bảo hiểm theo thời hạn thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác..."*. Như vậy, theo các quy định nêu trên, thì về nguyên tắc bảo hiểm chỉ có hiệu lực khi người mua bảo hiểm đóng phí đầy đủ và đúng hạn, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác. Nhưng do giữa anh Ng và B chỉ có duy nhất Giấy chứng nhận bảo hiểm là bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm giữa các bên, nhưng nội dung Giấy chứng nhận bảo hiểm lại không ghi về kỳ hạn, thời hạn nộp phí bảo hiểm như quy định tại Điều 17 Quy tắc bảo hiểm tàu cá: *"a, Đối với những tàu bảo hiểm theo thời hạn một năm, phí bảo hiểm được thanh toán một kỳ hoặc nhiều kỳ theo thoả thuận giữa người được bảo hiểm và B...và được thanh toán theo quy định cụ thể ghi trên giấy chứng nhận bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm*

hoặc thông báo thu phí bảo hiểm...". Điều 21 Luật kinh doanh bảo hiểm: *"...Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm có điều khoản không rõ ràng thì điều khoản đó được giải thích theo hướng có lợi cho bên mua bảo hiểm..."*. Do đó. trong trường hợp này Giấy chứng nhận bảo hiểm số 363 ngày 20/9/2017 cấp cho anh Ng không ghi về kỳ hạn, thời hạn nộp phí bảo hiểm, nên được coi là trường hợp *"các bên có thoả thuận khác"* đó là trường hợp bên bán bảo hiểm chấp nhận cho phía mua bảo hiểm được cấp giấy chứng nhận bảo hiểm trước và nộp phí bảo hiểm sau khi có thông báo thu phí bảo hiểm. Kỳ hạn, thời hạn nộp phí bảo hiểm giữa anh Ng và B bắt buộc phải được thể hiện cụ thể trong *"thông báo thu phí bảo hiểm"* của B gửi cho anh Ng như quy định tại Điều 17 Quy tắc bảo hiểm tàu cá. Do Giấy chứng nhận bảo hiểm số 363 ngày 20/9/2017 cấp cho anh Ng là bằng chứng để khẳng định B đã biết việc chuyển nhượng tàu cá giữa anh H và anh Ng, nên khi đến hạn thu phí B phải có thông báo thu phí bảo hiểm đối với anh Ng. B Quảng Bình đã có Thông báo thu phí kỳ 2 số 528 ngày 11/12/2017 đối với chủ tàu QB-93192-TS, nhưng lại không gửi cho anh Ng mà lại gửi cho anh H (là chủ tàu củ), nhưng anh H cũng không nhận được, theo xác nhận của Bưu điện Quảng Bình tại Văn bản số 41/BĐQB-KTNV ngày 24/01/2018 nhân viên Bưu điện đã phát nhầm người tên H khác, sau này phát hiện ra đã tiến hành phát lại nhưng không phát được vì anh H đi vắng...B thực hiện thông báo thu phí bảo hiểm kỳ 2 gửi cho anh H (mặc dù anh H không nhận được) là sai đối tượng mua bảo hiểm, nên không coi là anh Ng biết đến hạn nộp bảo hiểm kỳ 2 nhưng từ chối nộp hoặc chậm nộp. Do đó việc B Quảng Bình cùng thời điểm phát hành văn bản số 528 ngày 11/12/2017 về thu phí bảo hiểm kỳ 2 đối với anh H (hạn nộp là ngày 22/12/2017) và văn bản số 532 ngày 11/12/2017 về việc chấm dứt hiệu lực bảo hiểm thân tàu cá đối với anh Hoàng với lý do anh H không thanh toán phí bảo hiểm kỳ 2 đúng hạn theo thông báo là không đúng quy định của pháp luật, không đúng thực tế.

[8] Văn bản số 468 ngày 06/9/2018 B Quảng Bình gửi cho anh Ng nêu lý do từ chối bảo hiểm: Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá cho anh Ng thì sự kiện kiện bảo hiểm tàu QB-93192-TS bị tàu H đâm chìm đã xảy ra, nên căn cứ Điều 22 Luật kinh doanh bảo hiểm thì Giấy chứng nhận bảo hiểm số 363 ngày 20/9/2017 cấp cho anh Ng là vô hiệu, nên không giải quyết bồi thường. Lý do này của B đưa ra để từ chối bảo hiểm cho anh Ng là không có căn cứ, vì theo xác nhận của các cơ quan chức năng có thẩm quyền là Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Bình và Cảng vụ hàng hải Quảng Bình vào lúc 09 giờ ngày 08/01/2018 tàu QB-93192-TS bị tàu H đâm chìm, mất hoàn toàn. Trong khi đó giấy chứng nhận bảo hiểm cấp cho anh Ng ngày 20/9/2017 là trước thời điểm sự kiện này xảy ra, B không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc cấp giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá cho anh Ng xảy ra sau sự kiện tàu cá QB-93192-TS bị tàu H đâm chìm. Hơn nữa B cũng thừa nhận việc Giấy chứng nhận bảo hiểm cấp cho anh Ng là thật, B từ chối bồi thường là vì việc cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cho anh Ng là sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra. Tại phiên tòa phúc thẩm B có xuất trình 01 bản tường trình của ông H viết ngày 19/9/2018 về việc ông H cho rằng ông cấp giấy chứng nhận bảo hiểm cho anh Ng sau khi sự kiện bảo xảy ra, UBND xã C xác nhận vào bản tường trình ngày 20/8/2018 với nội dung "việc ông H tự viết và cam đoan về lời trình bày của

mình…" nhưng không xác nhận sự việc ông H cấp giấy chứng nhận bảo hiểm cho anh Ng sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, nên không có cơ sở để xem xét.

[9] B cho rằng việc chuyển nhượng tàu cá từ anh H sang anh Ng không có văn bản báo cho B biết và B chưa có văn bản chấp thuận chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm; việc cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá cho anh Ng là do Giấy chứng nhận bảo hiểm đã được ký khống chỉ và giao cho đại lý bảo hiểm là ông H và do quen biết và nhằm tạo điều kiện cho người dân, nên ông H tự ý cấp cho anh Ng khi chưa được sự đồng ý và không báo cáo với B Quảng Bình biết. Tuy nhiên theo quy định của pháp luật và những nội dung được phân tích ở trên thì Giấy chứng nhận bảo hiểm cấp cho anh Phạm Ng do ông Trần Nguyễn Tr là người đại diện và nhân danh pháp nhân B ký phát hành, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự của pháp nhân; ông H là đại lý của B thực hiện việc công việc theo hợp đồng đại lý đã ký kết, theo quy định tại Điều 3 Hợp đồng đại lý bảo hiểm: nội dung và phạm vi của Đại lý bảo hiểm "*3.2. Thu phí bảo hiểm của khách hàng theo điều khoản, biểu phí bảo hiểm và nộp phí bảo hiểm đầy đủ đúng hạn cho công ty theo quy định..3.5. Theo dõi khách hàng và thực hiện các công việc có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng bảo hiểm…"*. Như vậy ông H là người trực tiếp có trách nhiệm theo dõi người mua bảo hiểm và thu phí bảo hiểm, do đó cá nhân có thẩm quyền của B và người phụ trách đại lý của B nếu có làm sai quy định của pháp luật và quy định của B về việc cấp giấy chứng nhận bảo hiểm, phát hành thông báo thu phí bảo hiểm sai, thì cá nhân đó phải chịu trách nhiệm trước B về trách nhiệm đại điện, trách nhiệm đại lý và chịu trách nhiệm trước pháp luật, nhưng không vì thế mà làm vô hiệu các giao dịch dân sự do người đại diện giao kết, thực hiện, cụ thể ở đây là không làm vô hiệu giấy chứng nhận bảo hiểm do người có thẩm quyền của B đã cấp cho anh Phạm Ng.

[10] Theo các tài liệu có tại hồ sơ cũng như lời trình bày của các đương sự, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền xử lý sự cố là Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Bình và Cảng vụ hàng hải Quảng Bình, thì tàu cá QB-93192-TS sau khi bị tàu H đâm va đã bị chìm mất hoàn toàn, theo quy định tại Điều 3 Quy tắc bảo hiểm tàu cá (Điều kiện A*): Khi nhận bảo hiểm cho tàu theo điều kiện bảo hiểm này, B sẽ bồi thường cho người được bảo hiểm đối với: tổn thất toàn bộ, tổn thất bộ phận xảy ra đối với tàu được bảo hiểm là hậu quả trực tiếp gây ra bởi những rủi ro sau: a, Đâm va với tàu, thuyền…trên bờ hoặc dưới nước"*. Điều 23 Quy tắc bảo hiểm tàu cá quy định *"Tổn thất toàn bộ thân tàu: 1. Tổn thất toàn bộ thân tàu nói trong Quy tắc này bao gồm cả tổn thất thực tế và tổn thất toàn bộ ước tính: a) Tàu bị phá hủy hoặc bị hư hại hoàn toàn không thể phục hồi được cũng như tàu bị mất tích nếu như đã quá thời gian 3 tháng không nhận được tin tức gì về tàu đó đều được coi là tổn thất toàn bộ thực tế"*. Theo lời của ông Nguyễn Hữu T người trục vớt tàu và ông Nguyễn Văn H2 chủ xưởng sửa chữa tàu trình bày là thời điểm trục vớt tàu vào khoảng giữa tháng 2/2018 âm lịch, trong khi đó tàu bị chìm ngày 08/01/2018 (tức là ngày 22/11/2017 âm lịch), đến ngày 19/9/2018 B mới đến nhà ông H2 người sửa chữa tàu QB-93192-TS để trao đổi về việc trục vớt và sửa chữa tàu, đến ngày 03/10/2018 B mới yêu cầu Công ty giám định B tiến hành giám định, như

vậy là đã quá thời hạn 3 tháng không nhận được tin tức gì về tàu, anh Ng đã làm đơn yêu cầu bồi thường. Do Giấy chứng nhận bảo hiểm số 363 ngày 20/9/2017 cấp cho anh Ng là hợp pháp, nên phát sinh hiệu lực pháp luật và đã có sự kiện bảo hiểm xảy ra trong thời hạn có hiệu lực của bảo hiểm, căn cứ vào quy định trên và giấy chứng nhận bảo hiểm đã cấp cho anh Ng, B phải có trách nhiệm chi trả bảo hiểm cho anh Ng toàn bộ giá trị bảo hiểm được ghi trên giấy chứng nhận bảo hiểm. Mặt khác, như đã phân tích Giấy chứng nhận bảo hiểm số 363 ngày 20/9/2017 cấp cho anh Ng gồm bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm thuyền viên cùng nội dung theo Giấy chứng nhận bảo hiểm nêu trên, nhưng sau khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra, B đã chấp nhận chi trả bảo hiểm thuyền viên cho các thuyền viên trên tàu cá QB-93192-TS nhưng lại không chấp nhận bảo hiểm thân tàu là không đảm bảo quyền lợi cho bên tham gia bảo hiểm. Án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Ng buộc bị đơn Tổng Công ty B chi trả bảo hiểm thân tàu cá là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, đúng với nội dung Giấy chứng nhận hiểm số 363 ngày 20/9/2017 của B cấp cho anh Ng.

Sau khi sự kiện tai nạn xảy ra, Công ty H đã thỏa thuận hỗ trợ cho anh Ng số tiền 1.240.000.000 đồng (trong đó có 01 tỷ đồng do tàu H tham gia bảo hiểm tại B và được B Hải Phòng chi trả bồi thường với mức 01 tỷ đồng/vụ tổn thất), như vậy cùng một sự kiện bảo hiểm B đã chi trả 01 tỷ đồng cho tàu H để bồi thường cho anh Ng, do đó cần trừ đi số tiền Công ty H hỗ trợ 01 tỷ đồng cho anh Ng vào số tiền bảo hiểm ghi trên giấy chứng nhận bảo hiểm của anh Ng, còn lại 240 triệu đồng là Công ty H hổ trợ về ngư lưới cụ và hải sản trên tàu là phù hợp;

[11] Tàu cá QB-93192-TS sau khi bị chìm mất tích, được ông Nguyễn Hữu T ở Hà Tĩnh phát hiện và tự trục vớt rồi đưa về xưởng sửa chữa tàu cá của ông Nguyễn Văn H 2 ở thôn C, xã Q, thị xã B để sửa chửa, theo như báo cáo tổng hợp kết quả giám định của Công ty TNHH Giám định B gửi Tổng Công ty B ngày 10/10/2018 thì: chi phí để sửa chữa khôi phục tàu cá QB-93192-TS là (1.842.000.00 đồng + 250.000.000 đồng (trục vớt) - 204.000.000 đồng (ngư lưới cụ) = 1.888.000.000 đồng; Ông T kê khai tiền chi phí trục vớt tàu là 150 triệu đồng, còn ông H2 kê khai chi phí sữa chữa với số tiền 230 triệu đồng; Tuy nhiên trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, các bên không xuất trình các tài liệu nói trên mà đến cấp phúc thẩm mới xuất trình.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị B bồi thường toàn bộ tổn thất thân tàu là 03 tỷ đồng, anh Ng không đồng ý lấy lại tàu vì tàu đã bị hư hỏng nặng; phía B đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nhận thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Quy tắc bảo hiểm tàu cá ban hành theo quyết định 5373/QĐ-BHBV ngày 16/11/2016 của Tổng Giám đốc Tổng công ty B *"Khi đã bồi thường tổn thất toàn bộ thân tàu, B được quyền sở hữu, thu hồi và xử lý tàu đó hoặc không đòi quyền và nghĩa vụ đối với xác tàu theo luật định",* với quy định trên thì B được quyền sở hữu thân tàu cá QB-93192-TS, B có quyền thỏa thuận với ông Nguyễn Hữu T (người trục vớt tàu) về chi phí trục vớt tàu, cũng như với ông Nguyễn Văn H2 (người sửa chữa tàu) về chi phí sửa chữa

tàu cá theo quy định của pháp luật hoặc không đòi quyền và nghĩa vụ đối với xác tàu trên theo luật định.

Từ nhận định trên cần phải sửa án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Ng buộc Tổng công ty B bồi thường cho anh Ng số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) là phù hợp, theo thỏa thuận trong Giấy chứng nhận bảo hiểm về mức khấu trừ 2% số tiền bồi thường tổn thất, tại phiên tòa phía B cho rằng đó là mức khấu trừ áp dụng trong trường việc sửa chữa các bộ phận của tàu cá, còn bồi thường tổn thất toàn bộ thì không áp dụng mức khấu trừ, B không có ý kiến gì về mức khấu trừ nên không xem xét.

[12] Theo quy định của pháp luật và Quy tắc bảo hiểm tàu cá thì người tham gia mua bảo hiểm phải nộp đủ phí bảo hiểm. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện B và các đương sự như anh Ng, anh H thừa nhận chủ tàu QB-93192-TS đã nộp phí bảo hiểm kỳ 1 (do anh H chủ tàu củ nộp), chưa nộp phí bảo hiểm kỳ 2 số tiền 45.000.000 đồng. Anh Ng là chủ tàu mới được B cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 363 ngày 20/9/2017, nên phải có nghĩa vụ nộp phí bảo hiểm còn lại số tiền 45.000.000 đồng cho B theo quy định của pháp luật. Do anh Ng chưa nộp số tiền này, nên được khấu trừ trong số tiền mà B phải chi trả bồi thường cho anh Ng. Còn lại buộc Tổng công ty B bồi thường cho anh Ng số tiền 1.955.000.000 đồng.

[13] Đối với nội dung bảo hiểm thuyền viên, B đã chấp nhận chi trả theo mức tổn hại của mỗi thuyền viên trên tàu cá QB-93192-TS, theo đúng nội dung tại Giấy chứng nhận bảo hiểm, các bên không có khiếu nại, tranh chấp về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Theo trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có tại hồ sơ, khi sự kiện tai nạn xảy ra chủ tàu là anh Ng đã báo cho người có trách nhiệm của B nhưng không được phối hợp giải quyết. Anh Ng báo cáo sự việc cho cơ quan chức năng là Bộ đội Biên phòng, Cảng vụ hàng hải Quảng Bình, nhân viên và đại lý B Quảng Bình, sau khi tiếp nhận thông tin về sự kiện tàu H đâm chìm tàu cá QB-93192-TS, B đã chỉ định đơn vị giám định tổn thất đối với các tàu bị va chạm (được thể hiện tại nội dung Văn bản số 921 ngày 26/01/2018 của B gửi cho Cảng vụ Hàng Hải Quảng Bình). Ngày 18/01/2018 anh Ng có đơn yêu cầu giải quyết bảo hiểm gửi B Quảng Bình, nhưng không được B Quảng Bình chấp nhận bồi thường. Theo quy định tại Điều 29 Luật kinh doanh bảo hiểm *"...trong trường hợp không có thoả thuận về thời hạn thì doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ về yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường"*. Như vậy, thời điểm cuối cùng để xác định B phải chi trả tiền bảo hiểm cho anh Ng kể từ ngày anh Ng có yêu cầu là ngày 02/02/2018, nhưng vì B không thực hiện việc chi trả bảo hiểm không có căn cứ, nên làm phát sinh nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền chậm trả kể từ ngày 03/02/2018. Do các bên không có thoả thuận về tiền lãi, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi đối với số tiền bảo hiểm 1.955.000.000 đồng mà B phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh Ng với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn để buộc phía B phải chịu thêm số tiền lãi tính từ ngày phát sinh

nghĩa vụ 03/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/4/2019 (là 14 tháng 13 ngày) với số tiền 235.106.649 đồng.

[15] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn chỉ phải chịu án phí sơ thẩm của phần không được chấp nhận (1.000.000.000 đồng), tuy nhiên nguyên đơn có đơn xin miễn giảm án phí có xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình khó khăn nên cần xét giảm 50% mức án phí mà nguyên đơn phải chịu và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà nguyên đơn đã nộp;

Bị đơn Tổng Công ty B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật, còn về án phí phúc thẩm thì không phải chịu do kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Áp dụng các Điều 74, 84, 85, 87, 116, 117, 118, 119, 121, 134, 135, 137, 138, 140, 141, 357, 385, 398, 400, 401, 404, 405, 422, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 12, 13, 14, 15, 17, 18, 21, 23, 26, 28, 29, 30, 40, 41, 46, 47 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, được sửa đổi, bổ sung năm 2010, tuyên xử:

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DSST ngày 16 - 4 - 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Ng

Buộc bị đơn Tổng công ty B phải bồi thường tiền bảo hiểm thân tàu cá cho anh Phạm Ng số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) nhưng được trừ số tiền phí bảo hiểm thân tàu anh Phạm Ng phải nộp tiếp kỳ 2 là 45.000.000 đồng. Số tiền còn lại Tổng công ty B bồi thường cho anh Phạm Ng là 1.955.000.000 đồng và khoản lãi chậm trả (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 16 - 4 - 2019) là 235.106.649 đồng; tổng cộng hai khoản là: **2.190.106.649 đồng (hai tỷ, một trăm chín mươi triệu, một trăm linh sáu ngàn, sáu trăm bốn chín đồng).**

2. Bác một phần khởi kiện của nguyên đơn về số tiền 1.000.000.000 đồng không được chấp nhận.

3. Án phí: - Nguyên đơn anh Phạm Ng phải chịu (42.000.000 đồng x 50%) = 21.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 23.000.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000821 ngày 20/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, nguyên đơn anh Phạm Ng được nhận lại số tiền chênh lệch 2.000.000 đồng.

- Bị đơn Tổng công ty B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng phải chịu 75.802.132 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/20117/0005285

ngày 15/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, còn lại 75.502.132 đồng bị đơn phải nộp tiếp.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- VKSND tỉnh QB;
- TAND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn